

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày: 07 - 02 - 2018

“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Lầu.

2. Ông Trần Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐST-DS ngày 23-01-2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số 247 ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. ***Bị đơn:*** Ông Phan Thanh B, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 248 ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phan Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D là ông Bạch Sỹ C, Luật sư Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số 181/9 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 3, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị D là ông Phan Thanh B sinh năm 1970 (văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 10 năm 2017 - có mặt).

Địa chỉ: Số 248 ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1959 (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 01 năm 2018 - có mặt).

Địa chỉ: Số 247 ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Người làm chứng:* Ông Phan Hoàng M, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28-3-2017, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02-10-2017 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M như sau:

Trước đây mẹ ông tên Phan Thị B có cho ông một phần đất diện tích là 12.000m², sau đó được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992 (ngày, tháng cấp không nhớ) với diện tích là 12.000m². Ông canh tác cho đến năm 1994, ông mới sang nhượng cho ông Phan Văn T, sau đó ông T cho con ông T là Phan Thanh B. Ông sang nhượng cho ông T tổng diện tích là 9.340m², gồm các thửa 509, diện tích 8.775m² và thửa 512, diện tích 1.300m², cùng tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, ông còn lại 2.570m² tại thửa số 512 và thửa 509, tờ bản đồ 04, phần đất này ông sử dụng.

Đến năm 1998, ông Phan Thanh B có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất của ông để đi vay tiền chia nhau làm ăn nhưng ông Phan Thanh B không đi vay tiền mà đi chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông qua tên ông Phan Thanh B hết diện tích là 12.000m² lúc nào ông không hay biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B được Ủy ban nhân dân huyện M cấp vào ngày 16-6-2004 và số diện tích đất còn lại của ông là 2.570m² tại thửa 512 và thửa 509 do ông Phan Thanh B sử dụng từ khi nhận giấy chứng nhận của ông cho đến nay. Ông đã yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

Nay ông yêu cầu ông Phan Thanh B trả lại diện tích đất, trong đó diện tích đất 961,71m² thuộc thửa 512 và diện tích đất 1.606,9m² thuộc thửa 509, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 512, 509, tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Phan Thanh B đối với diện tích 2.570m² nêu trên

- *Bị đơn ông Phan Thanh B trình bày:* Đầu năm 1994, ông Nguyễn Văn Đ cùng ấp, có chuyển nhượng cho ông phần đất gồm có đất thổ cư, đất trồng rẫy và đất ruộng có tổng diện tích 12.375m². Khi sang đất cho ông thì ông Đ có bàn bạc và được sự thống nhất của mẹ là Phan Thị B, vợ là Nguyễn Thị M cùng các con, giá chuyển nhượng là 19 chỉ vàng 24k. Các bên thống nhất thì ông Đ có giao vàng cho ông Đ và sau đó hai bên có làm giấy tay về việc sang đất thổ cư, rẫy và ruộng lúa vào ngày 24-3-1994 âm lịch, trong giấy tay bên phía ông Đ có chứng kiến ký vào là ông Đ, bà Phan Thị B, bà Nguyễn Thị M. Sau đó ông Đ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, trong khi đó ông Đ dời nhà qua phần đất của mẹ ruột là Phan Thị B cất nhà ở thì ông Đ giao phần đất thổ cư này lại cho ông sử dụng cho đến nay.

Năm 2000, ông yêu cầu ông Đ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ tên ông Đ sang tên ông, được sự thống nhất của ông Đ và vợ là Nguyễn Thị M trong hợp đồng ghi rõ diện tích 12.375m², loại đất thổ cư + mùa lập ngày 03-6-1999, đồng thời lúc này ông xin đăng ký quyền sử dụng đất và đã được xác nhận của địa chính xã và UBND xã M, huyện M vào ngày 17-7-2000, trong đơn ông có ghi rõ tờ bản đồ số 04, thửa 509, diện tích 8.775m² đất trồng lúa, thửa 512 diện tích 300m² đất thổ cư và 3.300m² đất cây lâu năm khác, nguồn gốc là đất chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Đ. Khi nộp hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất thì ông giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp cho ông Nguyễn Văn Đ tại thửa 509, 512 nêu trên.

Quá trình diễn biến vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đ cho ông với diện tích là 12.375m² như đã nêu trên nhưng nay ông Đ cho rằng chỉ chuyển nhượng cho ông diện tích đất 9.430m² tại thửa 509 và 512 là không đúng vì trong các giấy tờ chuyển nhượng đều thể hiện rất rõ sự chuyển nhượng này, đồng thời ông đã canh tác phần đất này từ năm 1994 cho đến nay không có sự phản ứng nào từ phía ông Đ. Từ những căn cứ nêu trên ông yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đối với phần diện tích cái bờ có chiều ngang khoảng 1,4m chạy dài hết thửa đất bên phía giáp đất của ông Đ thì ông đã giao trả cho ông Đ như thỏa thuận trước đây, tuy nhiên hiện nay ông vẫn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông thống nhất sau này sẽ làm thủ tục cắt trả diện tích đất đó cho ông Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M có văn bản số 654/UBND.HC ngày 04-10-2017 trình bày ý kiến như sau:* Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 512 và thửa 509 cho hộ ông Phan Thanh B là không có đo đạc thực tế. Tại thời điểm cấp giấy, diện tích thửa 512 được cấp tới kinh

- Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội dung vụ án:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị đơn ông Phan Thanh B trả lại diện tích đất, trong đó diện tích đất 961,71m² thuộc thửa 512 và diện tích đất 1.606,9m² thuộc thửa 509, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã M huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Về nguồn gốc đất tranh chấp thửa 509 và thửa 512, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, các đương sự đều thống nhất 02 thửa đất nêu trên có nguồn gốc của gia đình ông Nguyễn Văn Đ. Đến năm 1994, ông Đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất này lại cho ông Phan Thanh B và bà Trần Thị D, Hội đồng xét xử xác định những tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tuy nhiên, ông Đ cho rằng ông chỉ chuyển nhượng diện tích đất 9.430m² thuộc thửa đất số 509 và thửa số 512 nêu trên cho ông B và diện tích còn thừa lại là 961,71m² thuộc thửa 512 và 1.606,9m² thuộc thửa 509 vẫn thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Còn ông B cho rằng khi chuyển nhượng ông Đ đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 509, 512 nêu trên với tổng diện tích là 09 công tằm cấy (tương đương 11.700m²), việc chuyển nhượng lập thành giấy sang đất thổ cư – rẫy và ruộng cấy lúa đề ngày 24-3-1994 âm lịch, giá chuyển nhượng là 19 chỉ vàng 24k và 02 tờ nhận vàng ngày 10-01-1994 giao cho ông Đ 10 chỉ vàng và ngày 06-3-1994 giao tiếp 1,5 chỉ vàng. Xét thấy, việc chuyển nhượng của ông Đ trình bày không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng ông B lại có giấy sang đất thổ cư – rẫy và ruộng cấy lúa, hai tờ nhận vàng để chứng minh lời trình bày mình có căn cứ.

[4] Đối với giấy sang đất thổ cư – rẫy và ruộng cấy lúa đề ngày 24-3-1994 âm lịch, tại phiên tòa ông Đ, bà M đều thừa nhận chữ ký Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị M trong tờ sang đất nêu trên là chữ ký của ông và bà, nhưng cho rằng khi ký vào giấy sang đất không biết nội dung nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông, bà ký mà không biết rõ nội dung trong giấy sang đất nêu trên.

[5] Mặt khác, từ khi ông B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên thì ông B bắt đầu sử dụng đất cho đến trước thời điểm ông Đ khởi kiện thì không có tranh chấp và ông B cũng đã làm thủ tục để đăng ký quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 509, 512, tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cho hộ ông Phan Thanh B ngày 16-6-2004. Như vậy, việc ông B đã sử dụng đất thời gian dài không có tranh chấp và được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, cho thấy ông Đ đã mặc nhiên thừa nhận phần đất ông B đang sử dụng, bao gồm cả diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông B.

[6] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp thì thấy phần đất ông Đ yêu cầu ông B phải trả lại những phần đất có vị trí như sau:

- Phần đất tranh chấp thứ nhất, diện tích 242,8m², thuộc thửa 512, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp lộ đal, hướng tây giáp kênh 7 thước, hướng nam giáp thửa 513, hướng bắc giáp thửa 511.

- Phần đất tranh chấp thứ hai, diện tích 85,51m², thuộc thửa 512, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa 512, hướng tây giáp lộ đal, hướng nam giáp thửa 513, hướng bắc giáp thửa 511.

- Phần đất tranh chấp thứ ba, diện tích 633,4m², thuộc thửa 512, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần đất thửa 509; hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa 512; hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa 512; hướng bắc giáp thửa 511.

- Phần đất tranh chấp thứ tư, diện tích 1.606,9m², thuộc thửa 509, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị P; hướng tây giáp thửa 512; hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa 509; hướng bắc giáp thửa 510.

[7] Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông Đ thì ông B xây dựng căn nhà trên thửa 512 để ở. Theo tập quán của địa phương ở những khu vực nông thôn tại khoảng thời gian năm 1994, thì việc đi lại của người dân chủ yếu bằng phương tiện đường sông, khi đó lộ đal cắt ngang thửa 512 chưa được xây dựng. Trong trường hợp này, phần đất tranh chấp thứ nhất và thứ hai nằm ngay vị trí giáp kênh 7 thước, là con đường lưu thông duy nhất giữa căn nhà ông B đến bờ kênh và hiện nay khi đã có lộ đal cắt ngang thửa 512 thì phần đất tranh chấp thứ hai vẫn nằm chắn ngang phần đất giữa ông B và lộ đal. Vì vậy, việc ông Đ cho rằng khi thỏa thuận chuyển nhượng đất là không có sang bán phần đất hiện đang tranh chấp thứ nhất và thứ hai là không có cơ sở. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại quyền sử dụng đất tại hai thửa đất 509, 512 là không có cơ sở chấp nhận, nên đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp cũng không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát và vị luật sư là có cơ sở chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn yêu cầu về việc giảm án phí, với lý do hộ gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương được quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

do vậy án phí nguyên đơn phải chịu được giảm 50%. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Phan Thanh B trả lại diện tích đất 961,71m² thuộc thửa 512 (trong đó có 03 phần đất gồm: Phần đất có diện tích 242,8m²; phần đất có diện tích 85,51m² và phần đất có diện tích 633,4m²) và diện tích đất 1.606,9m² Phần đất có diện tích và thuộc thửa 509, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như sau:

- Phần đất có diện tích 242,8m², thuộc thửa 512, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp lộ đal, có số đo 36,79m; hướng tây giáp kênh 7 thước, có số đo 35,12m; hướng nam giáp thửa 513, có số đo 5,44m; hướng bắc giáp thửa 511, có số đo 6m.

- Phần đất có diện tích 85,51m², thuộc thửa 512, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa 512, có số đo 38,04m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 37,42m, hướng nam giáp thửa 513, có số đo 2,88m, hướng bắc giáp thửa 511, có số đo 3,85m.

- Phần đất có diện tích 633,4m², thuộc thửa 512, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần đất thửa 509, có số đo 9,24m; hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa 512, có số đo 9,22m; hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa 512, có số đo 69,51m; hướng bắc giáp thửa 511, có số đo 69,67m.

- Phần đất có diện tích 1.606,9m², thuộc thửa 509, có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị P, có số đo 8,16m; hướng tây giáp thửa 512, có số đo 9,24m; hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa 509, có số đo 186,70m; hướng bắc giáp thửa 510, có số đo 185,08m.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 512, 509, tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Phan Thanh B đối với diện tích 2.570m², thuộc thửa 509, 512 nêu trên.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 12.160.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, ông Đ đã nộp xong. Bị đơn ông Phan Thanh B không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.688.824 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.891.000 đồng do ông Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007667 ngày 18-5-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, ông Đ được nhận lại số tiền 202.176 đồng . Bị đơn ông Phan Thành Bình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga